

Bản án số: 47/2024/DS-PT

Ngày: 15/4/2024

V/v: “T.C QSD đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nam.

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Ngọc Sơn.

Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh:* Bà Thân Thanh Huyền -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 64/2023/TLPT- DS ngày 08/12/2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2024/QĐ-PT ngày 08/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1986 (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (Có mặt).

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 (chết ngày 07/4/2024).

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Q:***

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (Có mặt).

2. Chị Trần Thị C, sinh năm 1995 (Có mặt).

3. Cháu Nguyễn Cao Q, sinh năm 2017 (Vắng mặt).

4. Cháu Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 2020 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Quý và cháu Thư: Chị Trần Thị C, sinh năm 1995 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*** Ông Vũ Quang Dũng –

Luật sư văn phòng Luật sư Quang Dũng và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Địa chỉ: Số 08 chợ Tre, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1971 (Có mặt).

2. Ông Trương Văn T, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

3. Anh Trương Văn C, sinh năm 1992 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

4. Ủy ban nhân dân xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn S- chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn V- chức vụ: Phó chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Chị Trương Thị M, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

*Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị O cùng trình bày:* Bà H kết hôn với ông Trương Văn C vào năm 1982 và sinh sống tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 1986, vợ chồng bà sinh chị Nguyễn Thị O và đến năm 1989 sinh chị Nguyễn Thị Khánh và vẫn sinh sống tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 2021, ông Căn chết.

Theo chủ trương của địa phương năm 1988 thì bà và chị O được chia 02 định suất ruộng 10% có diện tích 192m<sup>2</sup> tại xứ đồng Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chị Nguyễn Thị Khánh, sinh năm 1989 nên không được chia định suất theo chủ trương này, chị Khánh không liên quan gì đến phần diện tích đất được cấp này.

Thời điểm này ông Căn vẫn còn sống, do sức khỏe của bà yếu nên bà không cấy trên phần diện tích đất này. Ông Căn có cấy lúa một thời gian ngắn trên diện tích đất này, sau đó ông Căn không cấy lúa nữa và cho em trai là ông Trương Văn T tiếp tục cấy lúa trên phần diện tích đất này. Từ khi được giao đến nay thì gia đình bà, cụ thể là chị O có đóng thuế đối với phần diện tích đất này.

Ông Trương Văn C không được chia định suất ruộng 10% nào vì lý do ông Trương Văn C tham gia quân đội sau đó 02 lần đảo ngũ về địa phương, không có trong sổ hộ khẩu của mẹ con bà (có xác nhận của chính quyền địa phương). Do vậy phần diện tích 192m<sup>2</sup> đất này thì ông Căn không có liên quan gì và chỉ là đất của bà và chị O.

Đến năm 1990 bà và ông Căn ly hôn, do sức khỏe bà yếu (bị liệt toàn thân) nên ba mẹ con về nhà bố đẻ bà (ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1931 đã chết và bà Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1936 hiện còn sống nhưng sức khỏe yếu) tại thôn Yên Lãng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng năm 1991, ông Căn kết hôn với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 sau đó chuyển về nhà bà L sinh sống ở thôn Mẫn Xá, Long Châu, Yên Phong, Bắc Ninh và không về thôn Ô Cách, xã Đông Tiến sinh sống ngày nào nữa. Năm 2021, ông Căn chết.

Khi đó diện tích đất 192m<sup>2</sup> tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến vẫn để không không ai canh tác gì. Gia đình bà vẫn đóng thuế bình thường.

Hiện nay, theo bà biết để thực hiện dự án giãn dân của thôn Ô Cách, xã Đông Tiến. Thời điểm này bà và chị O vẫn đang ở Yên Lãng, Yên Trung. Năm 2010, địa phương có lập danh sách để các hộ gia đình đóng tiền giam để thực hiện kế hoạch giãn dân của địa phương nên mới có tên danh sách hộ ông Trương Văn C mà tại thôn Ô Cách đang lưu giữ hiện nay. Tuy nhiên, sau đó dự án giãn dân này đã không được thực hiện và thi hành.

Đến năm 2017, bà L và anh Q tự ý xây tường rào bằng gạch cao khoảng 70cm - 80cm đối với thửa đất được Nhà nước cấp giao cho mẹ con bà. Từ đó hai bên phát sinh tranh chấp, chính quyền địa phương có căn ngăn và cưỡng chế không cho bà L, anh Q xây. Đến nay bà L anh Q có tân đất và xây chia đôi thửa đất trên. Hiện nay thửa đất 192m<sup>2</sup> tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã được thôn Ô Cách, chính quyền địa phương giao cho bà và chị O đứng ra canh tác và sử dụng đúng mục đích từ năm 2014 (có biên bản bàn giao của thôn Ô Cách và chính quyền địa phương). Đến nay bà và chị O chưa hề bán và chuyển nhượng cho bất kỳ ai phần diện tích thửa đất 192m<sup>2</sup> tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Nay bà, chị O khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L, anh Q phải trả lại mặt bằng và diện tích đất 192m<sup>2</sup> tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mà bà L, anh Q đang cố tình xây tường, chia đôi thửa đất nêu trên và buộc bà L, anh Q phải tháo dỡ tường xây, phần đã tân lấp để trả lại hiện trạng ban đầu. Trong trường hợp bà L, anh Q không tháo dỡ, di chuyển tài sản

đã xây dựng trên phần diện tích đất này thì bà đồng ý trích trả giá trị tài sản này cho bà L, ông Quyền theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị O tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà L, anh Q phải trả 152,2m<sup>2</sup> đất thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và buộc bà L, anh Q phải tháo dỡ tường xây, phần đã tân lấp để trả lại hiện trạng ban đầu. Trong trường hợp bà L, anh Q không tháo dỡ, di chuyển tài sản đã xây dựng trên phần diện tích đất này thì chị xin được sử dụng phần tân lấp và đồng ý trích trả giá trị tài sản này cho bà L, ông Quyền theo quy định của pháp luật. Đối với diện tích chênh lệch so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 39.8m<sup>2</sup> chị không có ý kiến, yêu cầu gì về phần này.

*Bị đơn là bà L, anh Q cùng thống nhất trình bày:* Ông Trương Văn C kết hôn với bà Nguyễn Thị L vào năm 1990, khi kết hôn có đăng ký tại UBND xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Ông bà sinh được hai người con là Trương Văn C, sinh năm 1992 và Trương Văn Qu, sinh năm 1994. Ngày 25/8/2021 âm lịch, ông Căn chết.

Từ những năm 1990 trở về trước, ông Căn có quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Thị H và sinh ra chị Nguyễn Thị O và chị Nguyễn Thị Khánh.

Nguồn gốc thửa đất có diện tích 192m<sup>2</sup> tại khu đồng Mái Đông của thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh do UBND xã Đông Tiến giao cho vợ chồng ông Căn, bà L trực tiếp canh tác, quản lý và sử dụng để trồng lúa/hoa màu. Từ đó đến nay bà vẫn đóng thuế và nghĩa vụ của người sử dụng đất đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Quá trình quản lý và sử dụng thửa đất:

+ Từ thời điểm được giao, vợ chồng bà sử dụng ổn định.

+ Năm 2005, địa phương có chính sách chuyển đổi đất trồng lúa thành đất giã dân. Gia đình bà đã nộp đầy đủ tiền để được quyền sử dụng phần đất giã dân trên và được UBND xã Đông Tiến xác nhận.

+ Năm 2008, UBND xã vận động người dân lên nhận tiền đền bù phần đất 10% này nhưng gia đình bà chưa ký nhận. Thời gian sau đó, gia đình bà tiếp tục sử dụng ổn định và trực tiếp canh tác lâu dài trên thửa đất.

+ Năm 2011, ông Căn chết và không để lại di chúc, bà và con trai tiếp tục canh tác trên thửa đất trên. Sau đó có cho hai em trai của ông Căn là Trương Văn T, Trương Văn T tiếp tục canh tác sử dụng trên thửa đất này.

+ Khoảng tháng 8/2022, bà con hàng xóm xung quanh phát hiện người lạ tự ý sử dụng thửa đất này, khi đó bà mới biết bà H, chị O đã tự ý bán trái pháp luật thửa đất này cho chị Trương Thị M.

Đối với việc bà H, chị O cho rằng thửa đất có diện tích 192m<sup>2</sup> tại khu đồng Mái Đông của thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thuộc quyền sử dụng của bà H và chị O là không đúng. Mà thửa đất này được giao cho vợ chồng bà, bà H và chị O không canh tác một ngày nào trên đất, không đóng một đồng thuế nào để được thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước. Do vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị O. Anh Q cũng đồng ý và thống nhất với ý kiến của bà L về các nội dung liên quan đến vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L, anh Q đồng ý với trường hợp nếu chị O muốn sử dụng phần giá trị tân lấp và trả bà giá trị bằng tiền theo kết quả định giá đối với phần tân lấp và tường gạch này.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Ông Tự, ông Túc và anh Cường đồng ý và nhất trí theo ý kiến của bà L, anh Q và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Trương Thị M trình bày: Chị có quan hệ bàn bè với chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn Yên Lãng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 13/10/2022, chị O có nhờ chị đi đóng tiền tạm ứng án phí trong vụ án này nên chị đồng ý. Số tiền đóng tạm ứng án phí là của chị O nên chị O tự quyết định. Chị biết hiện Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đang thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 192m<sup>2</sup> tại xứ đồng Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh giữa: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1986; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; cùng trú tại: Thôn Yên Lãng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; anh Trương Văn Qu, sinh năm 1994; cùng trú tại: Thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình giải quyết thì phía bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ và cho rằng hai mẹ con bà H, chị O đã bán, chuyển nhượng thửa đất đang tranh chấp này cho chị. Đến nay chị khẳng định là vợ chồng chị không mua bán gì với mẹ con bà H, chị O về thửa đất diện tích 192m<sup>2</sup> tại xứ đồng Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Bản thân bà H, chị O cũng khẳng định chưa hề bán và chuyển nhượng cho bất kỳ ai phần diện tích thửa đất 192m<sup>2</sup> tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy chị xác định không liên quan gì đến vụ án này.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ các điều 26, 35, 39, 97, 143, 144, 145, 147, 156, 157, 158, 164, 165, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 158, 160, 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Luật đất đai của Quốc hội số 3-LCT/HĐNN8 ngày 29/12/1987.
- Điều 73 Luật đất đai năm 1993.
- Các Điều 166, 167, 168, 203 Luật đất đai năm 2013.
- Nghị định số 64-CP/1993 ngày 27 tháng 09 năm 1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O:

Buộc bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Q phải trả cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O thửa đất có diện tích 152,2m<sup>2</sup> tại khu đồng Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh có kích thước tứ cận (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- + Phía Bắc giáp thửa đất số 77 nhà Định Quyền dài 25,13m.
- + Phía Nam giáp thửa đất 79 nhà Đoàn Văn Minh dài 26,41m.
- + Phía Đông giáp đường bê tông dài 6m.
- + Phía Tây giáp đường bê tông dài 6,05m.

Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O được quản lý, sử dụng tường gạch và phần đã tân nấp trên thửa đất này.

- Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O phải trả cho bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Q toàn bộ giá trị tiền xây dựng tường gạch, tân nấp trên thửa đất trên tổng cộng là 10.568.248đ (Mười triệu, năm trăm sáu tám nghìn, hai trăm bốn tám đồng).

(Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hợp pháp hóa phần diện tích 152,2m<sup>2</sup> tại khu đồng Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đất mà bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Q trả theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn có liên quan theo quy định của pháp luật).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 27/10/2023 bị đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị L, chị Trần Thị C, cháu Nguyễn Cao Q và cháu Nguyễn Thị Minh Th (cháu Quý và cháu Thư do chị Cúc là người đại diện theo pháp luật) cho rằng việc Chính quyền thôn giao đất cho bà H và chị O là trái với quy định của pháp luật vi phạm Nghị định số 64 và Luật đất đai năm 1987. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà L bác đơn khởi kiện của nguyên đơn. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Tụ và anh Cường đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng như hiện nay.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn Q (đã chết ngày 07/4/2024) nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Q vào tham gia tố tụng gồm: Bà Nguyễn Thị L, chị Trần Thị C, cháu Nguyễn Cao Q và cháu Nguyễn Thị Minh Th (do cháu Quý và cháu Thư còn nhỏ nên chị Cúc là người đại diện theo pháp luật) là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Thừa đất diện tích 192m<sup>2</sup> tại thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh theo nguyên đơn là bà H và chị O cho rằng là định suất đất nông nghiệp 10% của bà và chị được chia năm 1988. Từ khi chia đến nay do sức khỏe bà H yếu nên bà không canh tác trên phần diện tích đất này mà ông Căn là chồng bà khi đó có sử dụng để cấy lúa. Sau đó, ông Căn không cấy lúa

nữa thì cho ông Túc là em trai ông Căn mượn để cấy lúa trên phần diện tích đất này. Và từ khi được chia diện tích đất này chị O là người đóng thuế đối với phần diện tích đất này. Tuy nhiên, hiện nay bà L và anh Q là con trai bà L đã tự ý xây tường rào bằng gạch và đổ đất vào diện tích đất này của mẹ con bà. Do vậy, bà và chị O khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà L, anh Q trả cho bà và chị O diện tích đất nêu trên. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi bản án sơ thẩm xử bị đơn là bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án. Xét kháng cáo của bà L Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

- Thứ nhất, bà L cho rằng nguyên đơn không có căn cứ pháp luật chứng minh là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất có diện tích 192m<sup>2</sup> tại khu Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự giao nộp cũng như do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì có thể thấy diện tích đất 192m<sup>2</sup> tại khu Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh là đất ruộng 10% được hợp tác xã thôn Ô Cách chia cho bà H và chị O. Sau khi được chia đất mặc dù mẹ con bà H, chị O không canh tác trên diện tích đất này mà ông Căn khi đó vẫn là chồng bà H có cấy lúa. Sau đó, ông Căn không cấy lúa nữa thì cho ông Túc là em trai ông Căn cấy lúa. Còn người nộp thuế đối với diện tích đất này vẫn là chị O. Phía bà L, anh Q cho rằng diện tích đất này là của ông Căn vì thời điểm chia ruộng ông Căn cũng được chia ruộng 10% nhưng phía bị đơn không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho việc ông Căn được chia ruộng.

- Thứ hai, bà L cho rằng không có căn cứ khẳng định ông Trương Văn C là lính đảo ngũ dẫn đến việc không được cấp đất như nhận định của Tòa án. Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Đông Tiến cũng như ông Công là Chủ nhiệm hợp tác xã thôn Ô Cách năm 1988 thì thời điểm đó ông Căn là bộ đội đảo ngũ nên không có khẩu ở địa phương và không được chia ruộng. Qua xác minh tại địa phương thì tại thời điểm năm 1988 khi chia ruộng % tuy rằng ông Căn là chủ hộ, nhưng không được chia ruộng % mà chỉ có hai nhân khẩu được chia ruộng là bà H và chị O và mỗi nhân khẩu được chia 4 thước (trong đó 2 thước loại 1 và 2 thước loại 2), đến năm 1991 khi chia lại ruộng đất thì ruộng % vẫn giữ nguyên không chia lại. Do đó, có đủ cơ sở kết luận diện tích đất ruộng 192m<sup>2</sup> tại khu Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh là của bà H và chị O nên bà H và chị O là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này.

- Thứ ba, bà L cho rằng các tài liệu thể hiện quá trình sử dụng đất không có tên của bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị O mà chỉ có tên của chủ hộ ông Trương Văn C. Hội đồng xét xử thấy, thời điểm hợp tác xã thôn Ô Cách cấp đất thì

ông Căn và bà H vẫn là vợ chồng hợp pháp do vậy các giấy tờ thể hiện tên ông Căn là đúng. Tuy nhiên, như đã phân tích thì do ông Căn là chủ hộ nên đứng tên hộ ông Căn nhưng thực tế định suất ruộng 10% này không phải là của ông Căn mà là định suất của bà H và chị O. Không những thế, từ khi được chia ruộng đến nay chị O là người thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước đối với diện tích đất này.

Từ những phân tích trên có thể thấy bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Bà L kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ để chấp nhận nên bác toàn bộ kháng cáo của bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do bà L là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà L.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 97, 143, 144, 145, 147, 156, 157, 158, 164, 165, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 158, 160, 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật đất đai của Quốc hội số 3-LCT/HĐNN8 ngày 29/12/1987; Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Các Điều 166, 167, 168, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 64-CP/1993 ngày 27 tháng 09 năm 1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O: Buộc bà Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị L, chị Trần Thị C, cháu Nguyễn Cao Q và cháu Nguyễn Thị Minh Th ( cháu Quý và cháu Thư do chị Cúc là người đại diện theo pháp luật) phải trả cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O thửa đất có diện tích 152,2m<sup>2</sup> tại khu đồng Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh có kích thước tứ cận (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- + Phía Bắc giáp thửa đất số 77 nhà Định Quyền dài 25,13m.
- + Phía Nam giáp thửa đất 79 nhà Đoàn Văn Minh dài 26,41m.

- + Phía Đông giáp đường bê tông dài 6m.
- + Phía Tây giáp đường bê tông dài 6,05m.

Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O được quản lý, sử dụng tường gạch và phần đã tân nấp trên thửa đất này.

- Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O phải trả cho bà Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị L, chị Trần Thị C, cháu Nguyễn Cao Q và cháu Nguyễn Thị Minh Th (cháu Quý và cháu Thụ do chị Cúc là người đại diện theo pháp luật) toàn bộ giá trị tiền xây dựng tường gạch, tân nấp trên thửa đất trên tổng cộng là 10.568.248đ (Mười triệu, năm trăm sáu tám nghìn, hai trăm bốn tám đồng).

Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hợp pháp hóa phần diện tích 152,2m<sup>2</sup> tại khu đồng Mái Đông, thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đất mà bà Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị L, chị Trần Thị C, cháu Nguyễn Cao Q và cháu Nguyễn Thị Minh Th (cháu Quý và cháu Thụ do chị Cúc là người đại diện theo pháp luật) trả theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn có liên quan theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị O tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá là 5.000.000đồng (xác nhận bà H, chị O đã nộp số tiền này).

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà L.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn Q là chị Trần Thị C, cháu Nguyễn Cao Q và cháu Nguyễn Thị Minh Th (cháu Quý và cháu Thụ do chị Cúc là người đại diện theo pháp luật) phải chịu 266.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

- Bà H, chị O phải chịu 528.412 đồng án phí trích trả giá trị tài sản cho bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị L, chị Trần Thị C, cháu Nguyễn Cao Q và cháu Nguyễn Thị Minh Th (cháu Quý và cháu Thụ do chị Cúc là người đại diện theo pháp luật). Xác nhận chị

O đã nộp số tiền 2.110.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0004481 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Khấu trừ tiền án phí phải chịu, hoàn trả chỉ O số tiền 1.581.588 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**

